

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VN  
CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ  
MDF VRG - QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 28 tháng 02 năm 2025

Số: 110/BCTN-MDFQT

CÔNG  
TY CỔ  
PHẦN  
GỖ MDF  
VRG -  
QUẢNG  
TRỊ

Digitally signed by  
CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ  
MDF VRG - QUẢNG TRỊ  
DN: CN=, LD=QUANG  
TRỊ, C=VIỆT NAM, O=CÔNG TY CỔ  
PHẦN GỖ MDF VRG -  
QUẢNG TRỊ,  
OID.0.9.2342.1.9200300.1  
00.1.1=MST:3200228141,  
E=HUYENTRAN@MDF.GG  
MAIL.COM  
Reason: I am the author  
of this document  
Location: your signing  
location here  
Date: 2025-03-04 14:53:  
18  
Foxit Reader Version:  
9.7.2

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

## CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

### NĂM 2024

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần gỗ MDF VRG Quảng Trị
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3200228141
- Vốn điều lệ: 551.135.970.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 551.135.970.000 đồng
- Địa chỉ: KCN Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị
- Số điện thoại: 0533566978
- Số fax: 0533560482
- Website: mdfquangtri@mdfquangtri.vn
- Mã cổ phiếu: MDF

### 2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần gỗ MDF VRG - Quảng Trị chuyên sản xuất ván sợi nhân tạo MDF được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3003000054 ngày 28 tháng 10 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp và được sửa đổi lần thứ 10 ngày 12 tháng 11 năm 2024.

Thành lập lần đầu ngày 25 tháng 10 năm 2005, với vốn điều lệ: **80 tỷ đồng**. Trong đó:

- Cổ đông Tổng Công ty Cao Su Việt Nam (góp 35% vốn điều lệ): 28 tỷ đồng
- Cổ đông Công ty XD và SX gỗ MDF COSEVCO (góp 40% vốn điều lệ): 32 tỷ đồng
- Cổ đông Công ty Cao Su Tân Biên (góp 15% vốn điều lệ): 12 tỷ đồng
- Cổ đông Công ty Cao Su Quảng Trị (góp 10% vốn điều lệ): 8 tỷ đồng

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 3003000054 (sửa đổi lần thứ hai) ngày 05 tháng 10 năm 2007. **Vốn điều lệ: 346.000.000.000 đồng**. Trong đó:

- Cổ đông Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su VN (góp 75,79% V ĐL): 261.058.500.000 đồng
- Cổ đông Công ty Cao su Tân Biên (góp 9,78% V ĐL): 33.671.550.000 đồng
- Cổ đông Công ty Cao Su Quảng Trị (góp 10,32% V ĐL): 35.555.000.000 đồng
- Cổ đông Cổ đông CB-CNV công ty (góp 4,12% V ĐL): 14.174.950.000 đồng

Theo Giấy đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3200228141 (sửa đổi lần thứ 5) ngày 29 tháng 6 năm 2010. **Vốn điều lệ: 344.460.000.000 đồng**. Trong đó:

- Cổ đông Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su VN (góp 75,79% V ĐL): 261.058.500.000 đồng
- Cổ đông Công ty Cao su Tân Biên (góp 9,78% V ĐL): 33.671.550.000 đồng
- Cổ đông Công ty Cao Su Quảng Trị (góp 10,32% V ĐL): 35.555.000.000 đồng
- Cổ đông Cá nhân: 14.174.950.000 đồng

Theo Giấy đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3200228141 (sửa đổi lần thứ 7) ngày 09 tháng 10 năm 2014. **Vốn điều lệ: 450.398.970.000 đồng**. Trong đó:

- Cổ đông Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su VN (góp 81,46% V ĐL): 366.880.500.000 đồng
- Cổ đông Công ty Cao su Tân Biên (góp 7,48% V ĐL): 33.671.550.000 đồng
- Cổ đông Công ty Cao Su Quảng Trị (góp 7,89% V ĐL): 35.555.000.000 đồng
- Cổ đông Cá nhân: 14.174.950.000 đồng

Theo Giấy đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3200228141 (sửa đổi lần thứ 8) ngày 23 tháng 05 năm 2016. **Vốn điều lệ: 551.135.950.000 đồng.** Trong đó:

- Cổ đông Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su VN (góp 84,85% V ĐL):	467.617.480.000 đồng
- Cổ đông Công ty Cao su Tân Biên (góp 6,11% V ĐL):	33.671.550.000 đồng
- Cổ đông Công ty Cao Su Quảng Trị (góp 6,45% V ĐL):	35.555.000.000 đồng
- Cổ đông Cá nhân (góp 6,45% V ĐL):	14.291.920.000 đồng

Cổ phiếu của Công ty đã giao dịch trên sàn Upcom vào ngày 25 tháng 02 năm 2011.

### 3. Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh

#### 3.1 Ngành nghề kinh doanh (thay đổi đăng ký lần 8)

- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác  
Chi tiết: Sản xuất gỗ ván nhân tạo (MDF, Okal, ván phủ veneer, veneer, ván phủ melamin, ván ghép thanh và các sản phẩm khác từ gỗ)
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng  
Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu ván nhân tạo (MDF, Okal, ván phủ veneer, veneer, ván phủ melamin, ván ghép thanh và các sản phẩm khác từ gỗ); gỗ các loại, dăm gỗ nguyên liệu
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện  
Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ
- Trồng rừng và chăm sóc rừng  
Chi tiết: Trồng, khai thác nguyên liệu gỗ để sản xuất gỗ MDF, giấy và cây công nghiệp khác
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống  
Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng nông sản, lâm sản
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác  
Chi tiết: Mua bán và xuất nhập khẩu máy móc thiết bị, dụng cụ dùng để sản xuất gỗ; xe, máy móc thiết bị, phụ tùng
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu  
Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại nhựa UF, các loại keo dán; phân bón, hóa chất sử dụng phục vụ sản xuất công nghiệp
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh  
Chi tiết: Sản xuất các loại nhựa UF, các loại keo dán
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan  
Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại vật tư xăng dầu
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Vận tải hành khách đường bộ khác
- Đại lý môi giới đầu giá  
Chi tiết: Đại lý môi giới
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan  
Chi tiết: Tư vấn đầu tư
- Xây dựng nhà các loại  
Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác  
Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp
- Chuẩn bị mặt bằng
- Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán  
Chi tiết: Kinh doanh đầu tư chứng khoán
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ

Chi tiết: Sản xuất dăm gỗ nguyên liệu

- Khai thác gỗ

Chi tiết: Sản xuất gỗ các loại

- Dịch vụ lưu trữ ngắn ngày

Chi tiết: Kinh doanh khách sạn

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động

Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng

- Lắp đặt hệ thống điện

Chi tiết: Thi công các công trình điện cấp điện áp dưới 22KV

- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm từ gỗ; giáo dục đào tạo

### **3.2 Địa bàn kinh doanh**

Công ty cổ phần gỗ MDF VRG Quảng Trị kinh doanh sản phẩm gỗ MDF trên cả thị trường trong nước lẫn thị trường quốc tế. Sản phẩm gỗ MDF từ chỗ tiêu thụ 100% ở trong nước đến năm 2012 xuất khẩu 42,6% trong tổng doanh số. Thị trường xuất khẩu chủ yếu Ấn Độ, các nước Trung đông như Pakistan, Iran vv... Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản, Thị trường trong nước tiêu thụ chủ yếu ở TP HCM, Bình Dương, Hà Nội, Đà Nẵng, xuất bán cho các đơn vị gia công thành các sản phẩm đồ dùng rồi xuất tiếp tiêu thụ các nước trên thế giới.

### **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

Công ty Cổ phần gỗ MDF VRG Quảng Trị là Công ty cổ phần có vốn góp của Nhà nước. Trong đó Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam là cổ đông lớn nhất chiếm 84,85% vốn điều lệ, Công ty được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty.

**Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty (Phụ lục 01)**

## 5. Định hướng phát triển

### 5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

+ Quản lý chặt chẽ chi phí giá thành, đảm bảo kinh doanh có lãi; bảo toàn, phát triển được vốn và tài sản của Công ty. Tối đa hóa hiệu quả hoạt động của Công ty. Vì quyền lợi của các cổ đông, khách hàng và người lao động.

+ Sản xuất đi đôi với việc bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp.

+ Đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh có thể mạnh: Nâng cao sản lượng sản phẩm nhựa keo UF không những đảm bảo cho việc sản xuất sản phẩm chính gỗ MDF của Công ty mà còn tiêu thụ ra bên ngoài.

+ Trực tiếp sản xuất nguyên liệu đầu vào Formaline, Keo UF cung cấp cho sản xuất gỗ MDF của công ty và bán ra ngoài.

+ Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động chuyên sâu về sản xuất hoàn thiện chi tiết sản phẩm từ ván MDF, nâng cao giá trị trong sản xuất gia công chế biến như phủ mặt ván MDF bằng sơn, bằng melamine, vv..., sản xuất gia công chế biến hoàn thiện các chi tiết từ gỗ rừng, các mặt hàng trang trí nội thất đồ gỗ nhằm không ngừng phát triển Công ty ngày một lớn mạnh.

+ Tạo thu nhập ổn định, lâu dài và giải quyết việc làm cho hơn 400 cán bộ công nhân viên.

+ Nâng cao và phát triển văn hoá doanh nghiệp.

+ Mục tiêu chủ yếu năm 2025:

- Lợi nhuận trước thuế	:	8.118.066.798 đồng
- Doanh thu	:	980.795.344.610 đồng
- Sản lượng sản xuất	:	190.000 m <sup>3</sup> gỗ MDF

### 5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

#### \* Thu mua nguyên liệu ngắn hạn:

Với năng lực sản xuất của 2 nhà máy, nhu cầu gỗ nguyên liệu hàng năm cần khoảng 450.000 tấn (kể cả dự trữ). An ninh nguyên liệu gỗ trở nên hết sức quan trọng và cấp thiết trong bối cảnh cạnh tranh với các nhà máy chế biến xuất khẩu dăm, viên nén năng lượng. Hiện nay địa bàn thu mua gỗ keo tràn ngoài Quảng Trị chủ yếu là Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, các nguyên liệu gỗ có tính đặc thù khác có thể mở rộng đến các tỉnh Tây Nguyên Bắc Trung Bộ và nước bạn Lào.

Vì vậy phải xây dựng đại lý thu mua rộng khắp đáp ứng ổn định tối thiểu 60% nhu cầu sản xuất cho công ty. Dựa trên cơ sở năng lực của nhà cung cấp, cam kết về số lượng và chất lượng, lợi ích và trách nhiệm của 2 bên lâu dài và bền vững, 40% còn lại thu mua theo khách hàng lẻ để điều tiết nhu cầu và giá cả theo thời điểm.

Có phương án đề xuất với Tập đoàn CNCsvn can thiệp với Chính phủ nước bạn Lào xin tận thu nguồn gỗ Cao su tái canh của các đơn vị thành viên trong ngành. Là nguồn nguyên liệu gỗ chất lượng, lâu dài và bền vững cho Nhà máy 2 hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả hơn.

#### \* Phát triển vùng nguyên liệu dài hạn:

Hiện nay tỉnh Quảng Trị có 3 đơn vị: Công ty TNHH lâm nghiệp Bến Hải, Triệu Hải, Đường chính có chủ trương cổ phần hóa giữ lại 55% vốn Nhà nước, 45% cổ phần bán cho các thành phần kinh tế khác.

Vì vậy đây là một kênh đầu tư phát triển vùng nguyên liệu ổn định và bền vững. Cần phải sớm tiếp cận với các ban ngành, UBND tỉnh, xây dựng đề án trình Tập đoàn để tìm kiếm cơ hội đầu tư. Vì khi đầu tư vào các công ty này có quỹ đất lớn, tập trung, thuận lợi cho việc trồng thâm canh năng suất cao. Các công ty này đã có kinh nghiệm trồng rừng từ khâu ươm

giống chăm sóc bảo vệ, đã có hạ tầng cơ sở tốt. Vì vậy suất đầu tư thấp, hiệu quả đầu tư cao, rủi ro ít hơn khi đầu tư vào các tổ chức, hộ trồng rừng khác

Đầu tư nâng cấp hoàn thiện dây chuyền 1 về chà bóng, hệ thống phun keo nâng cao chất lượng sản phẩm.

Đầu tư nâng cấp triển khai sản xuất nhựa keo UF để sản xuất gỗ MDF đạt tiêu chuẩn Carp1, Carp2 phù hợp với yêu cầu tiêu dùng ngày càng cao theo quy định của tiêu chuẩn quốc tế, sản xuất keo cho gỗ MDF không thấm nước, MDF chống cháy.

#### \* Về thị trường tiêu thụ:

Chiến lược thị trường tiêu thụ sản phẩm MDF của Công ty là cạnh tranh và đẩy lùi các sản phẩm MDF nhập ngoại tương đương như MDF Malaysia, MDF Thailand, MDF Trung Quốc... nhằm giữ ổn định thị phần trong nước.

Công ty có chiến lược phát triển thị trường xuất khẩu 20% - 50% tổng sản phẩm sản xuất gỗ MDF VRG Quảng Trị nhằm phát triển và khẳng định thương hiệu sản phẩm của Công ty trên thế giới cũng như trong nước. Đồng thời gia tăng lợi nhuận của Công ty và tạo nguồn ngoại tệ cho việc nhập thiết bị. Và từ việc tiêu thụ khó khăn, không xuất khẩu được đồng nào đến năm 2010, 2011 lần lượt xuất khẩu 15%, 20% và đến năm 2012 xuất khẩu đạt trên 40% doanh số.

Hiện tại, thị trường xuất khẩu đã được mở rộng, đặc biệt sản lượng xuất khẩu sang thị trường Trung Đông với sản lượng lớn. Trong năm 2024 đã xuất khẩu được bằng tàu rời 16.000 m<sup>3</sup>. Làm tiền đề cơ sở cho năm 2025 và các năm tiếp theo.

Đối với thị trường nội địa, sản lượng tiêu thụ tập trung chủ yếu ở khu vực Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương với các dòng sản phẩm cao cấp như Gỗ MDF EPA TSCA, Gỗ MDF HMR, Gỗ HDF... với tính linh hoạt trong thiết kế và khả năng hoàn thiện bề mặt cao (son, laminate, veneer), phù hợp với nhu cầu của các công ty sản xuất đồ nội thất và các nhà thiết kế.

\* Về tài chính: Luôn luôn bảo toàn và phát triển vốn, các chỉ tiêu tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước, bảo đảm hài hoà lợi ích giữa người lao động, nộp ngân sách Nhà nước và cổ tức cho cổ đông.

Thu hút các nguồn vốn phục vụ đủ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Tạo mối quan hệ tốt với các ngân hàng để huy động vốn vay ngắn hạn, cơ cấu vốn, vốn vay trung dài hạn có lãi suất thấp để tối ưu hóa lợi nhuận. Tăng cường kiểm soát và sử dụng hợp lý nguồn vốn bao gồm vốn tiền mặt, vốn tài sản và các mối liên hệ tài chính như khoản phải thu, khoản phải trả nhằm đem lại hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh.

## 6. Các nhân tố rủi ro:

### a. Rủi ro về kinh tế

#### Rủi ro về tăng trưởng kinh tế:

Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị là doanh nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng với sản phẩm chủ lực là gỗ MDF, do vậy hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào tăng trưởng kinh tế và thu nhập bình quân đầu người. Khi nền kinh tế tăng trưởng mạnh, thu nhập của người dân cao, đời sống vật chất được đảm bảo thì nhu cầu xây dựng cao ốc, xây dựng nhà cửa, mua sắm các mặt hàng trang trí nội thất bằng gỗ cao cấp, ván sàn... tăng cao tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Công ty. Do vậy, trong điều kiện nền kinh tế khó khăn, hoạt động của Công ty sẽ gặp nhiều thách thức. Tuy nhiên, với kinh nghiệm hoạt động trong ngành kinh doanh gỗ nhiều năm, Công ty luôn có các biện pháp đối phó để hạn chế đến mức thấp nhất ảnh hưởng của nền kinh tế đến hoạt động sản xuất của Công ty

**Rủi ro về lạm phát:** Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Lạm phát xảy ra do nhiều nguyên nhân nhưng chủ yếu là từ việc điều hành kinh tế vĩ mô và nguyên nhân khách quan từ thị trường thế giới. Tăng giảm

lạm phát sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí đầu vào của doanh nghiệp và ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh.

Lạm phát tăng cao gây khó khăn cho tất cả các thành phần trong nền kinh tế, và MDF cũng ít nhiều chịu ảnh hưởng bởi rủi ro này.

#### **b. Rủi ro về luật pháp**

Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các luật, nghị định... liên quan Luật Doanh nghiệp và các Luật khác có liên quan như Luật Thuế, Luật chứng khoán, các chuẩn mực kế toán, kiểm toán mới; đồng thời phải chịu sự điều chỉnh bởi các quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Cục Chế biến, Thương mại, nông lâm thủy sản và nghề muối. Do vậy, bất kỳ một sự thay đổi nào trong các quy định pháp luật này đều tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam còn nhiều bất cập nhất là các văn bản pháp luật điều chỉnh về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Là một Công ty có cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Upcome tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, MDF phải tuân thủ theo các qui định đó và có khả năng gặp vướng mắc trong các vấn đề về phát hành chứng khoán ảnh hưởng đến tiến độ sử dụng vốn.

Mặt khác, Công ty cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị chuyên sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu gỗ ván nhân tạo, nên ngoài việc ảnh hưởng bởi các yếu tố có liên quan đến luật trong nước còn ảnh hưởng bởi luật pháp quốc tế. Tuy nhiên, khi mở rộng, phát triển thêm thị trường xuất nhập khẩu và mở rộng thị trường nội địa thì việc kinh doanh của Công ty sẽ an toàn hơn, sẽ làm giảm tác động ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của Công ty khi có biến động ở một nước

#### **c. Rủi ro đặc thù:**

**Rủi ro thị trường:** Trong bối cảnh khi Việt Nam đã gia nhập WTO, TPP thị trường Việt Nam rất sôi động với nhiều tập đoàn lớn bán lẻ ở nước ngoài. Những tập đoàn này không chỉ kinh doanh bán lẻ mà còn sản xuất hàng tiêu dùng tại đây để tận dụng nguồn nhân lực và tiết giảm chi phí. Với công nghệ hiện đại, nguồn vốn mạnh, nguồn nguyên liệu tốt và kinh nghiệm quản lý sản xuất, sản phẩm của các tập đoàn này sẽ cạnh tranh tốt trên thị trường về cả chất lượng lẫn giá cả. Tuy phân khúc thị trường có thể khác nhau nhưng ngành hàng sản xuất từ gỗ MDF của Công ty cũng sẽ gặp ít nhiều khó khăn hơn, đòi hỏi phải nâng cao chất lượng và cung cấp giá cả cạnh tranh hơn rất nhiều mới có thể giữ vững được khách hàng mục tiêu đang có.

**Rủi ro lãi suất:** Trong điều kiện có sự biến động của lãi suất ngân hàng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí đầu vào của Công ty. Nếu lãi suất biến động theo chiều hướng tăng lên, chi phí lãi vay sẽ cao, ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả sản xuất của Công ty.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG:**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Những tháng đầu năm 2024 vẫn còn nhiều khó khăn, ảnh hưởng chiến tranh Ucraina làm giảm tiêu dùng, giảm nguồn cung toàn cầu. Đặc biệt tháng 2 nghỉ lễ, tết hầu như không tiêu thụ được bao nhiêu, Thị trường tiêu thụ của công ty Phía Bắc bị chững lại do gặp phải sự ra đời Nhà máy MDF Phú Thọ, công suất lớn tăng nguồn cung, giảm giá bán. Đến tháng 4, tháng 5 thị trường tiêu thụ chững lại, hàng hóa không xuất khẩu được do ảnh hưởng xung đột ở biên độ, các tàu biển đi kéo dài lịch trình, các container hàng xuất khẩu bị kẹt tại cảng chuyển tải Singapore, dẫn đến tình trạng thiếu container nghiêm trọng ở các Cảng của Việt Nam – Hải Phòng, Đà Nẵng, TP HCM. Các tàu vận hành cũng thiếu hụt, bỏ chuyến dẫn đến các lô hàng lấy được chỗ thì lịch trình cũng kéo dài từ 60 đến 70 ngày, Công ty có nhiều đơn hàng xuất khẩu nhưng không xuất được.

Thị trường Miền Bắc, những tháng cuối năm gặp phải đối thủ lớn tung sản phẩm chạy thử ra thị trường với giá bán cạnh tranh hơn, thị trường tiêu thụ của đối thủ gần nơi sản xuất hơn nhiều lần so với Công ty. Tình hình thị trường, nhu cầu tiêu thụ cũng không có nhiều biến động.

Thị trường Miền Nam: Giá bán chung loại gỗ MDF EPA của Công ty cao hơn của MDF Dongwha và Kim Tín nên sản lượng bán ra chưa đạt được theo sản lượng sản xuất nên vẫn còn tồn kho tại nhà máy.

Đối với công ty MDF VRG Quảng trị bên cạnh yếu tố khó khăn khách quan của thị trường, những khó khăn nội tại cũng rất lớn khi nguồn vốn lưu động đầu năm cho SXKD cạn kiệt, lượng hàng thành phẩm tồn kho cao, công nợ lớn làm mất cân đối dòng tiền, nợ vật tư nguyên liệu kéo dài, dẫn đến thiếu hụt nguyên liệu đầu vào cho sản xuất, sản phẩm chất lượng không ổn định, dây chuyền thiết bị thiếu hụt vật tư sửa chữa làm chi phí sản xuất tăng cao, thua lỗ kéo dài dẫn đến thu nhập CBCNV thấp, lượng CNV có tay nghề xin nghỉ việc tăng cao. Tính từ đầu năm đến nay tổng số lao động có tay nghề nghỉ việc là 74 người. Tổng số lao động tiếp nhận mới là 59 người, tuy nhiên lao động phổ thông chiếm trên 50%, lao động mới chưa qua đào tạo, chưa có kinh nghiệm nên ảnh hưởng rất nhiều đến vận hành sản xuất và thay thế những lao động có kinh nghiệm đã nghỉ việc.

Tuy gặp nhiều khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm 2024. Nhưng công ty thực hiện đạt được một số chỉ tiêu cụ thể như sau:

#### **1.1 Tình hình sản xuất năm 2024:**

Sản lượng sản xuất năm 2024 đạt 202.395 m<sup>3</sup> đạt 84,4% kế hoạch năm. Nguyên nhân khách quan dẫn đến công tác sản xuất không hoàn thành như kế hoạch ban đầu do:

- Do ảnh hưởng bởi chiến tranh giữa Nga và Ucraina và căng thẳng tại biển đỏ nên chi phí vận chuyển cho hàng xuất khẩu tăng cao làm giảm lợi nhuận.

- Do thay đổi người quản lý nên từ tháng 8/2023 đến tháng 6/2024 Công ty không có người đại diện theo pháp luật vì vậy không vay được vốn tại các tổ chức tín dụng. Trong khoảng thời gian từ tháng 1 đến tháng 6/2024, Công ty hoạt động chủ yếu dựa trên nguồn tiền thu được từ bán hàng.

- Những tháng đầu năm lượng thành phẩm tồn kho vượt sức chứa của các dây chuyền sản xuất, sản phẩm sản xuất không có nơi để lưu kho, do hàng không tiêu thụ được. Đến quý II, lượng tồn kho giảm bớt có mặt bằng cho sản xuất thì hoạt động dây chuyền 2 gặp rất nhiều vấn đề về máy móc thiết bị, hỏng hóc liên tục xảy ra, chất lượng ván sản xuất không ổn định, các dòng hàng chất lượng cao chưa sản xuất được, nhiều sản phẩm thử nghiệm tồn kém chi phí vẫn chưa đạt như mong muốn.

Nguyên liệu cho sản xuất càng khó khăn hơn, nợ các nhà cung cấp nguyên liệu lớn 25-30 tỷ đồng kéo dài từ tháng 12/2023 đến hết 31/03/2024 không thanh toán được, vay ngân hàng vượt hạn mức không vay được, dư luận thông tin ảnh hưởng xấu đến công ty, nguyên liệu gỗ nhập đi nơi khác.

#### **1.2. Tình hình kinh doanh:**

Tổ chức các đoàn công tác đi thị trường khách hàng phía Bắc, phía Nam qua đó đã nhận thấy nhiều điểm phải cải tiến sản phẩm như màu vân, đường cưa, trọng lượng, độ hút ẩm vân... giải quyết các khiếu nại tồn đọng và cam kết chất lượng đến khách hàng.

Đến nay, khách hàng đã dần tin tưởng trở lại và cam kết sẽ tiêu thụ MDF Quảng Trị nhiều hơn. Kết quả khối lượng tiêu thụ 2024 đạt 217.051 m<sup>3</sup> đạt 90,4% so kế hoạch, tăng 28,6% so cùng kỳ năm 2023. Đặc biệt tiêu thụ lượng lớn hàng tồn kho từ 30.500 m<sup>3</sup> đầu năm xuống còn 11.493 m<sup>3</sup> cuối năm.

Doanh thu tiêu thụ năm 2024 thực hiện 1.024,3 tỷ đồng đạt 78% kế hoạch thấp hơn so mức độ hoàn thành sản lượng tiêu thụ 90,4%. Do giá bán đang ở mức thấp vì sự cạnh tranh

gay gắt, chất lượng sản phẩm công ty chưa đạt so mặt bằng chung của thị trường, dòng hàng sản xuất không cao, sản phẩm sản xuất MDF E2, MMR chiếm tỷ trọng lớn nên giá bán thấp. Ảnh hưởng từ những lô hàng giao kém chất lượng dẫn đến uy tín, thương hiệu giảm sút. Cụ thể tỷ trọng ván thấp hơn đối thủ trên thị trường, độ trương nở, độ cứng cũng không bằng. Vì vậy, doanh thu tiêu thụ thấp hơn 12,4% so với mức hoàn thành khối lượng.

**1.3. Kết quả SXKD năm 2024:**

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 lãi 3,39 tỷ đồng, so cùng kỳ 2023 thua lỗ 25,042 tỷ đồng, xét về giá trị tuyệt đối tăng 28,832 tỷ đồng. Một số chỉ tiêu thực hiện so kế hoạch đầu năm 2024 và cùng kỳ 2023 Chi tiết theo sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ THKH	So năm trước
<b>I</b>	<b>CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG</b>						
1	Sản phẩm tồn kho đầu kỳ	m <sup>3</sup>	24.187		30.506		126,1%
2	Sản lượng sản xuất	m <sup>3</sup>	181.092	240.239	202.648	84,4%	111,9%
	Sản lượng sản xuất đạt	m <sup>3</sup>	180.862	240.000	202.395	84,3%	111,9%
	Sản lượng sản xuất hỏng	m <sup>3</sup>	230	239	252	105,8%	110,0%
3	Sản lượng tiêu thụ	m <sup>3</sup>	168.800	240.000	217.051	90,4%	128,6%
	Trong đó: - Xuất khẩu	m <sup>3</sup>	41.086	52.466	42.975	81,9%	104,6%
	- Nội địa	m <sup>3</sup>	127.714	187.534	174.077	92,8%	136,3%
4	Sản phẩm tồn kho CK	m <sup>3</sup>	30.506		11.493		37,7%
<b>II</b>	<b>CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ</b>						
1	Doanh thu thuần	Tr đ	790.016	1.312.460	1.024.326	78,0%	129,7%
1.1	Doanh thu SXKD chính	'	784.709	1.312.460	1.024.326	78,0%	130,5%
	Trong đó: - Xuất khẩu	'	216.465	285.863	219.869	76,9%	101,6%
	- Nội địa	'	568.244	1.026.597	804.457	78,4%	141,6%
1.2	Doanh thu HĐTC		2.622		5.642		215,2%
1.3	Doanh thu khác		2.685		5.616		209,2%
2	Tổng chi phí	'	815.241	1.277.062	1.032.193	80,83%	126,6%
2.1	Chi phí SXKD	'	774.593	1.252.885	1.004.889	80,21%	129,7%
	Giá vốn hàng bán		693.149	1.123.846	922.625	82,10%	133,11%
	Chi phí quản lý	'	12.879	16.027	15.807	98,63%	122,73%
	Chi phí bán hàng	'	68.565	113.012	66.457	58,81%	96,93%
2.2	Chi phí tài chính	'	38.146	24.177	26.940	111,43%	70,62%
2.3	Chi phí khác	'	2.502		364		14,55%
3	Lợi nhuận trước thuế	'	-25.223	35.398	3.390	9,60%	28.613
	SXKD gỗ MDF	'	10.116	59.575	19.437	32,63%	9.321
	Hoạt động tài chính	'	-35.524	-24.177	-21.298	88,09%	14.226
	Hoạt động khác	'	183	0	5.251		5.068
	Thuế thu nhập	'			0		
	Lợi nhuận sau thuế	'	-25.223	35.398	3.390	9,58%	28.613
	Nộp ngân sách		39.678	70.928	41.549	60,92%	104,7%



Để có lợi nhuận 3,39 tỷ đồng, Công ty đã nỗ lực hết mình giải quyết từng bước, từng bước một trong tất cả các lĩnh vực từ sản xuất, kinh doanh đến tài chính, lao động, tiền lương... từ kết quả sản xuất kinh doanh những tháng đầu năm số lỗ rất cao, quý I/2024 lỗ 12,725 tỷ đồng bình quân mỗi tháng lỗ trên 4,24 tỷ đồng/tháng, lũy kế đến tháng 5 lỗ 13,11 tỷ đồng, tháng 4,5 công ty đã khống chế dần phát sinh lỗ, kể từ tháng 5 đến tháng 9 công ty có lãi và bù hết lỗ những tháng trước.

**2. Tổ chức và nhân sự**

**2.1 Danh sách ban điều hành, lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành.**

**2.1.1 Tổng giám đốc**

Họ và tên	Ông Dương Tân Thanh
Giới tính	Nam
Ngày sinh	8/10/1973
Nơi sinh	Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Hóa
Chức vụ hiện tại	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	8.267.039 cổ phần (15%) <ul style="list-style-type: none"> <li>• Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (0%)</li> <li>• Đại diện phần vốn Nhà nước: 8.267.039 cổ phần (15%)</li> </ul>
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

**2.1.2 Phó tổng giám đốc**

Họ và tên	Ông Nguyễn Văn Công
Giới tính	Nam
Ngày sinh	08/02/1964
Nơi sinh	Vĩnh Thành, Vĩnh Linh, Quảng Trị
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện tại	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	27.500 cổ phần (0,0499%) Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Sở hữu cá nhân: 27.500 cổ phần (0,0499%)</li> <li>• Đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần (0%)</li> </ul>

Số lượng cổ phiếu nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

**2.1.3 Phó Tổng giám đốc**

Họ và tên	Ông Nguyễn Tăng Vũ
Giới tính	Nam
Ngày sinh	26/12/1976
Nơi sinh	Quảng Trị
Địa chỉ thường trú	57 Nguyễn Chí Thanh, Khu phố 7, phường 5, tp Đông Hà, Quảng Trị
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư
Chức vụ hiện tại	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	1.000 cổ phần (0,0018%) Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần (0,0018%)</li> </ul> Đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần (0%)
Số lượng cổ phiếu nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

**2.1.4 Phó Tổng giám đốc**

Họ và tên	Ông Hồ Nghĩa An
Giới tính	Nam
Ngày sinh	10/8/1980
Nơi sinh	Phường Đông Thanh, Đông Hà, Quảng Trị
Địa chỉ thường trú	Khu phố 2, Đông Thanh, Đông Hà, Quảng Trị.
Trình độ chuyên môn	Cử nhân
Chức vụ hiện tại	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	Không

Số lượng cổ phiếu nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

### 2.1.5 Kế toán trưởng

Họ và tên	Ông Nguyễn Mạnh Cường
Giới tính	Nam
Ngày sinh	25/04/1974
Nơi sinh	Vĩnh Thành - Vĩnh Linh - Quảng Trị
Địa chỉ thường trú	Đông Lương - Đông Hà - Quảng Trị
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện tại	Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	3.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0054% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Vợ - Ngô Thị Uyên Nhi: 700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0013% trên vốn điều lệ.
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch	Không

### 2.2 Cán bộ nhân viên công ty và chính sách đối với người lao động

- Tổng số CBCNV-LĐ có mặt tại thời điểm 31/12/2024 là 393 người (Lao động bình quân năm 2024 là 393 người). Trong đó: Người quản lý 7 người; Lao động quản lý, chuyên môn 43 người; Lao động trực tiếp 343 người.

- Về tuyển dụng: Công ty tiếp nhận vào làm việc từ đầu năm 2024 đến thời điểm báo cáo là 59 người. Trong đó; Đại học 15 Người, cao đẳng 4 Người, Trung cấp 5 Người, Bằng nghề 5 người, LĐPT 35 Người.

- Số lao động thỏa thuận chấm dứt HĐLĐ 74 người; đơn phương chấm dứt HĐLĐ 13 Người.

- Tổng quỹ tiền lương NLD năm 2024 là 37.724 triệu đồng. Tiền lương bình quân người lao động là 7.999.000 đồng/người/tháng; Tổng quỹ tiền lương Người quản lý là 1.315 triệu đồng. Tiền lương bình quân 18.452.000 đồng/người/tháng.

- Về công tác xây dựng hệ thống thang bảng lương và lương cơ bản năm 2024 đã được Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam phê duyệt.

- Công ty đã thực hiện việc đóng nộp đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN cho 100% CBCNV-LĐ theo đúng quy định với tổng số tiền đóng bảo hiểm đến 31/12/2024 là 8.350 triệu đồng. Công tác giải quyết chính sách cho CBCNV LĐ được triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi tối đa cho CBCNV LĐ làm việc tại Công ty.

### 3. Tình hình đầu tư XDCB.

Năm 2024 theo kế hoạch đầu tư XDCB được duyệt 75,814 tỷ đồng; Trong đó:

Trả nợ dài hạn 31,608 tỷ đồng thực hiện trả hết nợ ngày 5/2/2024;

Kế hoạch đầu tư mua sắm mới: 44,205 tỷ đồng, năm 2024 công ty chưa thực hiện đầu tư hạng mục công trình nào, chỉ tiếp tục thực hiện hạng mục PCCC dây chuyền 1 năm 2023 dở dang chuyển qua năm 2024 với tổng mức đầu tư được duyệt là: 9.738 (triệu đồng); Giá trị chuyển tiếp năm 2024 là 5.384 (triệu đồng).

#### 4. Tình hình tài chính:

##### a. Tình hình tài chính:

Kết quả năm 2024 thực hiện đã khởi thông được dòng tiền trong sản xuất kinh doanh, khắc phục những điểm nghẽn trước đây, dòng tiền thu vào lớn hơn dòng tiền chi ra, hàng tồn kho, nợ phải thu, nợ phải trả giảm đáng kể, đặc biệt thu được nợ khó đòi rất lớn, cụ thể:

- Nợ phải thu: Tại thời điểm 31/12/2024 theo BCTC năm 2024 là 106,917 tỷ đồng, giảm 53,318 tỷ đồng (tỉ lệ giảm 33,27% so đầu năm 160,236 tỷ đồng), trong đó:

+ Phải thu ngắn hạn khách hàng: 82 tỷ đồng giảm 43,96 tỷ đồng (tỉ lệ giảm 34,88% so đầu năm 126 tỷ đồng). Đặc biệt, nợ quá hạn giảm 34,13 tỷ đồng tương đương 71,83% (đầu năm nợ quá hạn 47,518 tỷ đồng cuối năm chỉ còn 13,387 tỷ đồng).

+ Trả trước người bán ngắn hạn: Đầu năm 16,51 tỷ đồng, cuối năm 8,61 tỷ đồng giảm 47,86% với giá trị 7,9 tỷ đồng.

+ Phải thu ngắn hạn khác 1,52 tỷ đồng, đầu năm 2,469 tỷ đồng giảm 0,94 tỷ tương ứng tỷ lệ 38,24%.

+ Tài sản thiếu chờ xử lý là 16,361 tỷ đồng, tài sản thừa 6,114 tỷ đồng, chênh lệch thừa thiếu 10,277 tỷ đồng.

- Quản lý hàng tồn kho: Hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2024 là 156,68 tỷ đồng, giảm 112,88 tỷ đồng so đầu năm 269,56 tỷ đồng (tỉ lệ giảm 41,88% so đầu năm), trong đó:

+ Tồn kho nguyên vật liệu 37 tỷ đồng so đầu năm 43 tỷ đồng, giảm 5,86 tỷ tương đương 13,85% so đầu năm;

+ Công cụ dụng cụ 59,298 tỷ đồng so đầu năm 75,05 tỷ đồng, giảm 15,75 tỷ đồng tương đương 21% so đầu năm;

+ Chi phí SXKD dở dang 4,087 tỷ đồng so đầu năm 10,296 tỷ đồng, giảm 6,209 tỷ đồng mức giảm 60,31%;

+ Tồn kho thành phẩm 59,18 tỷ đồng so đầu năm 142,132 tỷ đồng, giảm 82,95 tỷ đồng so đầu năm. Giá trị tồn kho thành phẩm giảm sâu do Công ty đẩy mạnh tiêu thụ hàng tồn kho, tăng cường thu hồi vốn, cụ thể: đầu năm tồn kho 30.506 m<sup>3</sup>, đến thời điểm 31/12/2024 chỉ còn tồn 11.493 m<sup>3</sup> giảm tồn kho thành phẩm 19.013 m<sup>3</sup>.

- Nợ phải trả: Tổng nợ phải trả đến 31/12/2024 là 390,347 tỷ đồng so đầu năm 579,956 tỷ đồng, giảm 189,609 tỷ đồng (tỉ lệ giảm 32,69% so đầu năm), trong đó:

+ Phải trả cho người bán 43,396 tỷ đồng so đầu năm 105,517 tỷ đồng, giảm 62,12 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ 58,87% so đầu năm;

+ Nợ vay Ngân hàng 311,14 tỷ đồng so đầu năm 448 tỷ đồng, giảm 136,88 tỷ đồng tương ứng 30,55% so đầu năm, trong đó: trả nợ vay dài hạn 31,609 tỷ đồng, trả nợ ngắn hạn trên 105,3 tỷ đồng;

- Tài sản công ty được quản lý, theo dõi chi tiết, được trích khấu hao theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 lãi 3,39 tỷ làm tăng vốn chủ sở hữu 1%; Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu và trên tổng tài sản từ (âm) thâm hụt vốn chuyên qua tính hiệu tích cực có tăng trưởng mặc dù chưa tương xứng với quy mô vốn của doanh nghiệp, thể hiện qua số liệu ở bảng sau:

*Đvt: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Mã số	Đến 31/12/2024	Tại 1/01/2024	Tỷ lệ
1. Tổng tài sản	270-BCĐKT	1.035.364	1.221.583	85%
2. Tổng doanh thu	2024/2023	1.024.326	784.709	131%
3. Vốn chủ sở hữu	400-BCĐKT	645.017	641.627	101%
4. Lợi nhuận sau thuế	60-BCKQKD	3.390	-25.224	13%
5. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	0,615	-4,577	

**b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Hệ số thanh toán, vòng quay vốn tăng so năm trước, hệ số lợi nhuận sau thuế so với doanh thu, tổng tài sản, vốn chủ sở hữu cuối năm 2024 so đầu năm cụ thể bảng sau:

Các chỉ tiêu	ĐVT	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024	Tỷ lệ
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:				
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	0,82	0,79	103%
+ Hệ số thanh toán nhanh:				
TSLĐ - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	Lần	0,42	0,33	127%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	37,70	47,48	79%
+ Vốn CSH/Tổng tài sản	%	62,30	52,52	119%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	60,52	90,39	67%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho:				
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bq	Vòng	5,89	2,57	229%
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	98,93	64,24	154%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số LN trước thuế/Doanh thu thuần	%	0,33	-3,21	10%
+ Hệ số LN trước thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0,53	-3,93	13%
+ Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	%	0,33	-2,06	16%
+ Hệ số Lợi nhuận từ HDDKD/DT thuần.	%	0,33	-3,21	6%

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

a) **Cổ phần:** Tổng số cổ phiếu đang lưu hành hiện tại là 55.135.595 cổ phần với mệnh giá 10.000 VNĐ/Cổ phần và tất cả đều là cổ phiếu phổ thông.

b) **Cơ cấu cổ đông:** Danh sách cổ đông nắm giữ vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ.

**- Danh sách cổ đông sáng lập**

Công ty được thành lập ngày 25 tháng 10 năm 2005. Đến thời điểm hiện tại, cổ đông sáng lập của Công ty đã hết thời hạn hạn chế chuyển nhượng theo quy định Luật doanh nghiệp.

**- Danh sách cổ đông nắm giữ vốn cổ phần của Công ty tại ngày 31/12/2024:**

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ	Ghi chú
1	Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su VN	46.761.748	84,85%	
	Đại diện: Ông Hồ Trọng Minh Thảo	38.494.709	69,85%	Chủ tịch HĐQT
	Ông Dương Tấn Thanh	8.267.039	15,00%	Thành viên HĐQT
2	Công ty Cao Su Tân Biên Đại diện: Ông Huỳnh Duy Hiến	3.367.155	6,11%	Thành viên HĐQT
3	Công ty Cao Su Quảng Trị Đại diện: Ông Nguyễn Chơn Biên	3.555.500	6,45%	Thành viên HĐQT
4	Các cổ đông là cá nhân	1.429.192	2,59%	
<b>Tổng Cộng</b>		<b>55.113.895</b>	<b>100%</b>	

**Thông tin chi tiết về cổ đông lớn đồng thời là cổ đông nhà nước:**

**b1 Cổ đông trong nước**

\* Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su Việt Nam - Công ty cổ phần là Công ty mẹ của MDF VRG Quảng Trị.

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam được thành lập theo Quyết định 248/2006/QĐ-TTg ngày 30/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm hình thành Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam và Quyết định số 249/2006/QĐ-TTg ngày 30/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

Ngày 30 tháng 3 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 469/QĐ-TTg về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

Ngày 05/01/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ra quyết định số 38/QĐ-TTg về việc Phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015.

Ngày 26/12/2017, Thủ tướng phê duyệt phương án cổ phần hóa – Tập đoàn Công nghiệp Cao Su Việt Nam. Ngày 22/05/2018 Tập đoàn tổ chức Đại hội Cổ đông lần đầu ra mắt Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần và chính thức chuyển qua hoạt động theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/06/2018.

Ngành, nghề kinh doanh:

Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su;

Sản xuất kinh doanh các sản phẩm gỗ;

Sản xuất kinh doanh sản phẩm công nghiệp cao su;

Đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng và bất động sản;

Đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Địa chỉ trụ sở chính: 177 Hai Bà Trưng, phường 6 Quận 3 TP HCM

Vốn điều lệ: 40.000.000.000.000 đồng.

Địa chỉ: 177 Hai Bà Trưng - Q.3 - TP. HCM, Việt Nam.

Giấy CNĐKKD: 0301266564 do sở KH&ĐT TP. HCM cấp lần đầu 30/6/2010, thay đổi lần thứ 4 ngày 1/06/2018.

Số lượng cổ phần và tỷ lệ nắm giữ của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG – Quảng Trị đến 31/12/2024 là: 46.761.748 cổ phần chiếm tỷ lệ 84,85% vốn điều lệ của MDF:

Trong đó:Sở hữu nhà nước: 46.761.748 CP - Tỷ lệ 84,85%

\*Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị:

Địa chỉ trụ sở chính: 264 Hùng Vương - Phường Đông Lương, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Vốn điều lệ: 41.329.787.841 đồng.

Giấy phép kinh doanh: 3200094610 thay đổi lần thứ 8 ngày 29/08/2024

Ngành nghề kinh doanh: Trồng trọt, công nghiệp, hoá chất phân bón và cao su...

Số lượng cổ phần sở hữu trong công ty: 3.555.500 CP - Tỷ lệ 6,45%

Trong đó:Sở hữu nhà nước: 3.555.500 CP - Tỷ lệ 6,45%

\*Công ty cổ phần Cao su Tân Biên:

Địa chỉ trụ sở chính: Ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Vốn điều lệ: 879.450.000.000 đồng.

Giấy phép kinh doanh: 3900242832 thay đổi lần thứ 8 ngày 09/01/2025

Ngành nghề kinh doanh: Trồng trọt, công nghiệp, hoá chất phân bón và cao su.

Số lượng cổ phần sở hữu trong công ty: 3.367.155 CP - Tỷ lệ 6,11%

Trong đó:Sở hữu nhà nước: 3.367.155 CP - Tỷ lệ 6,11%

b2 Cổ đông nước ngoài: Không

**c. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 31/12/2024**

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (Ngàn VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>283</b>	<b>55.104.095</b>	<b>551.040.950</b>	<b>99,98</b>
	Cổ đông tổ chức	03	53.684.403	536.844.030	97,41
	Cổ đông cá nhân	280	1.429.192	14.291.920	2,59
2	<b>Cổ đông nước ngoài</b>				
	Cổ đông tổ chức	-	-	-	-

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (Ngàn VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)
	Cổ đông cá nhân	-	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>		<b>55.113.595</b>	<b>551.135.950</b>	<b>100</b>

**5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.**

**6.1 Quản lý nguồn nguyên liệu:**

a) Tổng lượng nguyên liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

Nguyên liệu chính để sử dụng sản xuất gỗ MDF từ gỗ rừng trồng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và các tỉnh lân cận ngoài nguyên liệu gỗ rừng trồng công ty còn sử dụng, Methanol, Ure và các hóa chất khác để sản xuất Keo UF làm nguyên liệu sản xuất gỗ MDF.

Sử dụng nguyên liệu năm 2024: Tổng lượng nguyên liệu gỗ sử dụng cho sản xuất gỗ MDF bao gồm cả nguyên liệu đót là 379.431 tấn các loại từ gỗ rừng trồng với tổng giá trị 359 tỷ đồng; Ure là 7.500 tấn giá trị 74,6 tỷ; Methanol là 6.880 tấn giá trị 68 tỷ đồng vv...

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên liệu được tái chế để sử dụng sản xuất sản phẩm và dịch vụ của tổ chức:

Công ty không loại bỏ bất cứ nguyên liệu nào đã nhập về công ty. Nếu có nguyên liệu nào không sản xuất được hoặc các bao bì không làm nguyên liệu được thì công ty sử dụng để đốt lò lấy năng lượng cho sản xuất.

**6.2 Tiêu thụ năng lượng:**

Công ty tiêu thụ năng lượng thông qua hệ thống đốt lò trực tiếp cung cấp nhiệt lượng cho dây chuyền sản xuất. Đồng thời sử dụng điện năng từ lưới điện quốc gia. Năm 2024 sử dụng 64.105.618 Kw điện năng.

**6.3 Tiêu thụ nước:**

Công ty sử dụng nước từ nguồn nước của các công ty nước trên địa bàn tỉnh Quảng trị và khối lượng nước sử dụng trong năm 2024: 200.033 m<sup>3</sup>.

**6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

Công ty tuân thủ tuyệt đối về pháp luật bảo vệ môi trường và hoạt động của công ty được các cơ quan bảo vệ môi trường giám sát thường xuyên nên trong năm không bị xử phạt.

**6.5 Chính sách liên quan đến người lao động:**

- Tổng số lao động năm 2024 là 393 người với tiền lương bình quân 7.999.000 đồng/người/tháng.

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Tham gia và ủng hộ đầy đủ các chương trình từ thiện, đền ơn đáp nghĩa do tình phát động.

**6. Nghĩa vụ nộp Ngân sách:**

Tổng nộp ngân sách năm 2024 cho ngân sách nhà nước với số tiền đã nộp: 41,549 tỷ đồng.

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển sang năm sau



1. Thuế	1.564	43.451,36	41.457,42	3.557,93
- Thuế GTGT	1.466,49	41.339,72	39.400,58	3.405,62
- Thuế TNDN				
- Thuế Xuất, nhập khẩu		5,51	5,51	
- Thuế đất	-			-
- Các khoản thuế khác	97,51	2.106,13	2.051,33	152,31
2. Các khoản phải nộp khác	-	92,33	92,33	-

### III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

#### 1. Kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện so với kế hoạch:

Thị trường xuất khẩu gỗ MDF những tháng đầu năm hoàn toàn bế tắc do ảnh hưởng xung đột ở biển Đỏ, các tàu biển phải kéo dài lịch trình, các container hàng xuất khẩu bị kẹt tại cảng trung chuyển Singapore, dẫn đến tình trạng thiếu container nghiêm trọng ở các Cảng của Việt Nam – Hải Phòng, Đà Nẵng, TP HCM. Các tàu vận hành cũng thiếu hụt, bỏ chuyến dẫn đến các lô hàng lấy được chỗ thì lịch trình cũng kéo dài từ 60 đến 70 ngày, Công ty có nhiều đơn hàng xuất khẩu nhưng không xuất được, các nhà xuất khẩu có đơn hàng từ trước, đã tập kết, dự trữ đầy kho chuẩn bị xuất đi, nhưng buộc phải quay lại giảm giá tiêu thụ trong nước. Các nhà sản xuất trong nước tiếp tục sản xuất nhưng tiêu thụ chậm dẫn đến các Nhà máy tồn kho lớn, vốn ứ đọng nhiều, những công ty không có lợi thế cạnh tranh buộc phải tạm ngừng sản xuất. Công ty MDF VRG Quảng Trị không nằm ngoài thách thức đó, do thị trường tiêu thụ ở xa so với các doanh nghiệp khác, vì vậy tiêu thụ càng khó khăn hơn.

Thành phẩm tồn kho vượt sức chứa của các dây chuyền sản xuất, sản phẩm sản xuất không có nơi để lưu kho, do hàng không tiêu thụ được. Đến quý II, lượng tồn kho giảm bớt có mặt bằng cho sản xuất thì hoạt động dây chuyền 2 gặp rất nhiều vấn đề về máy móc thiết bị, hỏng hóc liên tục xảy ra, chất lượng ván sản xuất không ổn định, các dòng hàng chất lượng cao chưa sản xuất được, nhiều sản phẩm thử nghiệm tồn kém chi phí vẫn chưa đạt như mong muốn.

Thay đổi nhân sự trong Ban điều hành nên từ tháng 8 năm 2023 đến tháng 6 năm 2024, Công ty không có người đại diện theo pháp luật nên không thể vay vốn tại các tổ chức tín dụng. Việc không được vay vốn tại các tổ chức tín dụng làm ảnh hưởng tới uy tín của Công ty trong việc thanh toán các khoản công nợ cho khách hàng, nợ vật tư nguyên liệu kéo dài, dẫn đến thiếu hụt nguyên liệu đầu vào cho sản xuất, sản phẩm chất lượng không ổn định do dây chuyền thiết bị thiếu hụt vật tư sửa chữa làm chi phí sản xuất tăng cao.

Ngay từ những tháng đầu năm 2024 tình hình tài chính của Công ty đã rất khó khăn. Nợ người bán giá trị lớn và kéo dài từ tháng 8 năm 2023 đến tháng 5/2024 không thanh toán được, vốn ứ đọng ở hàng tồn kho lớn, nợ phải thu từ bán hàng thu hồi chậm, nợ khó đòi chưa thu được. Vay ngắn hạn vượt hạn mức, các khoản vay được giảm nợ trước đây đã đến hạn phải thanh toán. Vốn cho thu mua nguyên liệu rất khó khăn, thậm chí có xe hàng về đến trạm cân nhưng quay đầu đi nơi khác do Công ty không có tiền để thanh toán. Kết quả thu mua nguyên liệu năm 2024 với tổng khối lượng 330.780 tấn đủ đáp ứng 73% công suất thực tế của công ty (tối thiểu 38.000 tấn/tháng đáp ứng đủ công suất sản xuất thực tế), thậm chí có tháng chỉ đáp ứng 13% công suất.

Việc sản xuất kinh doanh thua lỗ kéo dài dẫn đến thu nhập CBCNV thấp, lượng CNV có tay nghề xin nghỉ việc tăng cao. Năm 2024 tổng số lao động có tay nghề nghỉ việc là 74 người. Tổng số lao động tiếp nhận mới là 59 người, tuy nhiên lao động phổ thông chiếm trên 50%, lao động mới chưa qua đào tạo, chưa có kinh nghiệm nên ảnh hưởng rất nhiều đến vận hành sản xuất để thay thế những lao động có kinh nghiệm đã nghỉ việc.

Trước bối cảnh, trăm bề khó khăn, tương chừng như không thể vượt qua được, HĐQT, Ban điều hành cùng toàn thể CB CNV nỗ lực hết mình giải quyết từng bước, từng bước một trong tất cả các lĩnh vực từ sản xuất, kinh doanh đến tài chính, lao động, tiền lương vv... kể từ tháng 4 các giải pháp đã thực hiện :

- Tập trung giải quyết dòng tiền, ổn định hoạt động tài chính của công ty: Công ty đã hoàn thiện pháp lý và ký lại hợp đồng tín dụng, tập trung thu nợ bán hàng qua đó dần cải thiện được dòng tiền luân chuyển, trả dần nợ nhà cung cấp quá hạn, đặc biệt là nợ nguyên liệu gỗ từ 3 tháng xuống còn 15 ngày.

Đã làm việc với các ngân hàng Vietinbank, Vietcombank vv... gia tăng hạn mức tín dụng, giảm lãi suất nhằm đảm bảo nguồn vốn dự trữ gỗ cho các tháng mùa mưa.

Đã thành lập các tổ chuyên môn giám sát dòng tiền/ theo dõi công nợ. Thu hồi công nợ quá hạn.

- Tổ chức lại hoạt động kiểm soát chất lượng, hoạt động sản xuất: Phân công, phân nhiệm lại các khâu quản lý chủ chốt. Tập trung kiểm soát lấy chất lượng sản phẩm làm then chốt trong điều hành sản xuất, khắc phục dần các lỗi chất lượng trước đây.

Mời đoàn nhân viên kỹ thuật của công ty MDF Kiên Giang ra hỗ trợ rà soát, tổ chức lại hệ thống test mẫu, hệ thống kiểm soát chất lượng. Khắc phục lại hoạt động các bộ phun keo áp cao Hijet là một trong các nguyên nhân chính gây lỗi ván trong sản xuất trước đây.

Mời chuyên gia kỹ thuật các hãng thiết bị Steinemann, Valmet, Andritz, Grecon chuyên gia công nghệ David Rigg...kiểm tra thiết bị.

Lập tổ nghiên cứu thử nghiệm các công thức keo, công thức sản xuất mới. Trong tháng 5 đã triển khai được nhiều sản phẩm mới như HDF Carb 12mm lõi đen làm ván sàn, cải tiến công thức keo carb cho dòng ván dày, ván mỏng giảm giá thành khá tốt, tiếp tục cải tiến cho keo HMR và keo E2 trong tháng 6. Loại bỏ dần việc sử dụng các phụ gia không đảm bảo ổn định trong sx keo.

Chỉ cho sản xuất các đơn hàng đã có người đặt hàng. Tăng cường bán giải phóng hàng tồn kho ( đã giảm khoản 20% so với Quý 1 ), lượng ván sản xuất từ giữa tháng 4 trở đi đã cải thiện nhiều được khách hàng dần chấp nhận lại.

- Tổ chức lại công tác thu mua nguyên liệu gỗ: Điều chỉnh quy chế thu mua gỗ nguyên liệu theo hướng linh hoạt, thuận lợi tiếp cận với các nhà cung cấp tương tự như các đơn vị trong ngành, giảm các kênh trung gian, điều chỉnh lại quy trình, giám sát chéo để tránh xảy ra tiêu cực.

- Nắm bắt lại tình hình thị trường truyền thống của công ty:

Tổ chức các đoàn công tác đi thị trường khách hàng phía Bắc, phía Nam qua đó đã nhận thấy nhiều điểm phải cải tiến sản phẩm như màu ván, đường cưa, trọng lượng, độ hút ẩm ván...giải quyết các khiếu nại tồn đọng và cam kết chất lượng đến khách hàng.

Gắn kết trách nhiệm các bộ phận, xây dựng chỉ tiêu cụ thể từ đơn vị đến người lao động.

Tổ chức thi đua tất cả các bộ phận, đơn vị cùng tham gia phân đấu hoàn thành nhiệm vụ ( khuyến khích vật chất cho giải pháp kỹ thuật, sản phẩm mới, khách hàng mới)

Động viên giữ chân người lao động có tay nghề, trình độ cao bằng cách cải thiện và nâng cao thu nhập bên cạnh đó sắp xếp tinh gọn lại nhân sự gián tiếp.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 lãi 3,39 tỷ đồng đạt 9,6% so kế hoạch chi tiết bảng sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ THKH
1	Sản lượng sản xuất	m <sup>3</sup>	240.239	202.395	84,4%
2	Sản lượng tiêu thụ	m <sup>3</sup>	240.000	217.051	90,4%
	Trong đó: - Xuất khẩu	m <sup>3</sup>	52.466	42.975	81,9%
	- Nội địa	m <sup>3</sup>	187.534	174.077	92,8%
1	Doanh thu thuần	Tr đ	1.312.460	1.024.326	78,0%
1.1	Doanh thu SXKD chính	'	1.312.460	1.024.326	78,0%
	Trong đó: - Xuất khẩu	'	285.863	219.869	76,9%
	- Nội địa	'	1.026.597	804.457	78,4%
1.2	Doanh thu HĐTC			5.642	
1.3	Doanh thu khác			5.616	
2	Tổng chi phí	'	1.277.062	1.032.193	80,8%
2.1	Chi phí SXKD	'	1.252.885	1.004.889	80,2%
2.2	Chi phí tài chính	'	24.177	26.940	111,4%
2.3	Chi phí khác	'		364	
3	Lợi nhuận trước thuế	'	35.398	3.390	9,6%

**2. Tình hình tài chính:**

**a. Tình hình tài sản:**

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>I. Tài sản ngắn hạn</b>	100-BCĐKT	<b>319.735.313.259</b>	<b>459.725.325.985</b>
1. Tiền và các khoản TĐ tiền	110-BCĐKT	38.286.152.446	16.016.340.272
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT	10.000.000.000	
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	130-BCĐKT	106.917.446.884	160.235.508.468
Trong đó: Nợ phải thu khó đòi		-1.919.105.132	-1.407.945.309
4. Hàng tồn kho	140-BCĐKT	156.680.388.830	269.560.927.432
5. Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT	7.808.837.037	13.912.549.813
<b>II. Tài sản dài hạn</b>	200-BCĐKT	<b>715.628.767.471</b>	<b>761.857.801.888</b>
1. Các khoản phải thu dài hạn	210-BCĐKT		
2. Tài sản cố định	220-BCĐKT	670.599.928.448	717.314.385.654
- Tài sản cố định hữu hình	221-BCĐKT	670.245.646.782	716.882.326.010
- Tài sản cố định thuê tài chính	224-BCĐKT		
- Tài sản cố định vô hình	227-BCĐKT	354.281.666	432.059.644
3. Bất động sản đầu tư	230-BCĐKT		
4. Chi phí XDCB dở dang	242-BCĐKT	426.439.936	332.492.424
5. Đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT	3.000.000.000	3.000.000.000
6. Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT	41.602.399.087	41.210.923.810
<b>III. Nợ phải trả</b>	300-BCĐKT	<b>390.346.950.861</b>	<b>579.956.220.103</b>
1. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	390.346.950.861	579.956.220.103
Trong đó: Nợ quá hạn			

2. Nợ dài hạn	330-BCĐKT	0	0
<b>IV. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	400-BCĐKT	<b>645.017.129.869</b>	<b>641.626.907.770</b>
1. Vốn của chủ sở hữu	410-BCĐKT	645.017.129.869	641.626.907.770
Trong đó: Vốn đầu tư của CSH	411-BCĐKT	551.135.950.000	551.135.950.000
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430-BCĐKT		
<b>V. Kết quả kinh doanh</b>			
1. Tổng doanh thu:		1.035.583.360.157	790.016.065.916
- Doanh thu bán hàng	10-BCKQKD	1.024.325.827.698	784.709.306.817
- Doanh thu hoạt động tài chính	21-BCKQKD	5.641.709.688	2.621.888.009
- Thu nhập khác	31-BCKQKD	5.615.822.771	2.684.871.090
2. Tổng chi phí		1.032.193.138.058	815.239.822.199
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	50-BCKQKD	3.390.222.099	-25.223.756.283
4. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60-BCKQKD	3.390.222.099	-25.223.756.283

Tổng nợ phải trả đầu năm 2024 là: 579.956.220.103 đồng, trong đó:

+ Nợ vay ngắn hạn ngân hàng: 448.020.678.020 đồng các khoản vay vượt hạn mức, những món vay được giãn nợ trước đây đã đến hạn phải thanh toán, nợ không trả kịp cho ngân hàng, nguy cơ nhảy qua nhóm nợ xấu không thể tiếp tục vay được nữa. Thủ tục tái cấp tín dụng mới không kéo dài được do vướng thủ tục về người đại diện Pháp luật.

+ Nợ phải trả các nhà cung cấp: Đầu năm 2024 phải trả 105,52 tỷ đồng đến 31/3/2024 là 82,96 tỷ đồng; Riêng nợ tiền gỗ nguyên liệu 44,11 tỷ đồng.

+ Nợ phải thu từ bán hàng: Đầu năm 126 tỷ đồng giảm xuống còn 120 tỷ đồng cuối quý I/2024 vẫn ở mức cao, giảm không đáng kể, trong đó phần lớn nợ quá hạn, dây dưa kéo dài,.. (Công Ty TNHH TM DV XD SX Triệu Phú Lộc nợ tiền hàng từ năm 2022 là 19.025.831.563 đồng đến 31/3/2024 vẫn còn 11.845.158.896 đồng).

+ Tổng hàng tồn kho đầu năm 269,56 tỷ đồng, trong đó có giá trị tồn kho 30.500 m<sup>3</sup> thành phẩm gỗ MDF, có nhiều lô sản xuất năm 2021, 2022 chất lượng không đồng đều, tiềm ẩn nhiều rủi ro, hư hỏng, kém chất lượng, không tiêu thụ được, ứ đọng vốn.

#### b. Tình hình nợ phải trả cuối năm:

Tổng nợ phải trả đến 31/12/2024 là 390,347 tỷ đồng so đầu năm 579,956 tỷ đồng, giảm 189,609 tỷ đồng (tỉ lệ giảm 32,69% so đầu năm), trong đó:

+ Phải trả cho người bán 43,396 tỷ đồng so đầu năm 105,517 tỷ đồng, giảm 62,12 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ 58,87% so đầu năm;

+ Nợ vay Ngân hàng 311,14 tỷ đồng so đầu năm 448 tỷ đồng, giảm 136,88 tỷ đồng tương ứng 30,55% so đầu năm, trong đó: trả nợ vay dài hạn 31,609 tỷ đồng, trả nợ ngắn hạn trên 105,3 tỷ đồng;

#### 3. Những thay đổi chủ yếu trong năm:

- Hội đồng quản trị: Bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT là ông Hồ Trọng Minh Thảo thay ông Đỗ Hữu Phước kể từ ngày 17/04/2024. Bổ nhiệm ông Dương Tấn Thanh là Thành viên hội đồng quản trị kể từ ngày 17/04/2024.

- Ban điều Hành: Bổ nhiệm Tổng Giám đốc ông Dương Tấn Thanh kể từ ngày 26 tháng 03/2024. Bổ nhiệm phó Tổng giám đốc ông Nguyễn Tăng Vũ kể từ ngày 26/03/2024.

#### **4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:**

Trên thị trường Việt Nam, gỗ MDF gồm nhập khẩu từ Malaysia, Indonexia, Thái Lan, Trung Quốc vv.... Sản xuất trong nước là gỗ MDF Đôngwha Bình Phước, MDF Kim tín Bình Phước, MDF Gia lai, MDF Tân Việt-Trung và MDF Quảng Trị, MDF Hòa Bình, vv...

Nhu cầu sử dụng gỗ MDF tại thị trường Việt Nam bình quân vào khoảng 200 ngàn m<sup>3</sup>/tháng; 2.400 ngàn m<sup>3</sup>/năm.

Triển vọng về tiêu thụ sản phẩm gỗ MDF trong nước cũng như xuất khẩu trong vài năm tới là rất lớn. Hiện công ty sản xuất đến đâu tiêu thụ đến đó, không những tiêu thụ hết mà còn nhiều đơn đặt hàng xuất khẩu lớn, trong tương lai phải đầu tư thêm nhiều nhà máy sản xuất gỗ MDF nữa để bù lượng thiếu hụt phải nhập khẩu.

### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **1. Đánh giá Hội Đồng Quản Trị về các mặt hoạt động của công ty**

Trong năm 2024 Hội đồng quản trị đã ban hành nhiều Nghị quyết, Quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình đồng thời giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2024 và các công việc khác.

#### **2. Đánh giá Hội Đồng Quản Trị về các mặt hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

Hoạt động của Ban giám đốc công ty năm 2024 là đáng khích lệ, trong bối cảnh kinh tế khó khăn ban giám đốc mạnh dạn, dám nghĩ, dám làm và đã thành công trong việc chuyển đổi cơ cấu chủng loại sản phẩm sản xuất hàng ổn định chất lượng hơn năm trước góp phần nâng cao doanh số và tăng trưởng cao so năm trước. Về khối lượng sản xuất tăng 26%, tiêu thụ tăng 28,6%, doanh thu tăng 29,7%. Đồng thời giữ ổn định thu nhập đảm bảo đời sống vật chất lẫn tinh thần cho cán bộ công nhân viên công ty trong năm 2024. Tạo động lực cho phát triển sản xuất kinh doanh cho những năm tiếp theo.

#### **3. Các kế hoạch định hướng của Hội Đồng Quản Trị**

Nằm trong chiến lược phát triển của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam giai đoạn 2020-2025 sản xuất 1.500.000 m<sup>3</sup>/năm. Công ty cổ phần gỗ MDF VRG Quảng trị được chọn là hạt nhân trong chiến lược phát triển đó. Vì vậy định hướng phát triển của công ty nâng cao công suất sản xuất gỗ MDF trên 120% so công suất thiết kế, xúc tiến quảng bá, đẩy mạnh xuất khẩu hơn nữa trong tương lai.

### **V. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

#### **1. Hội đồng quản trị.**

##### **a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị.**

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT: 04 người, HĐQT họp theo định kỳ và đưa ra những Nghị quyết để Công ty thực hiện, các Nghị quyết của HĐQT đều được triển khai và thực hiện đầy đủ. Danh sách thành viên HĐQT, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và lý lịch trích ngang cụ thể sau:

**a1) Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Ông Hồ Trọng Minh Thảo
Giới tính	Nam
Ngày sinh	12/11/1974
Nơi sinh	Quân Y Viện 211, tỉnh Tây Nguyên
Thường trú	35/2B Nguyễn Thượng Hiền, Phường 5, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã Cam Thanh , Huyện Cam Lộ, Tỉnh Quảng Trị
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.
Chức vụ hiện tại	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ	38.494.709 cổ phần (69,85%) Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (0%)</li> <li>• Đại diện phần vốn Nhà nước: 38.494.709 cổ phần (69,85%)</li> </ul>
Số lượng cổ phiếu nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

**a2) Thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Ông Dương Tấn Thanh
Giới tính	Nam
Ngày sinh	8/10/1973
Nơi sinh	Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Hóa
Chức vụ hiện tại	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	8.267.039 cổ phần (15%)

	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (0%)</li> <li>Đại diện phần vốn Nhà nước: 8.267.039 cổ phần (15%)</li> </ul>
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

**a3) Thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Ông Huỳnh Duy Hiền
Giới tính	Nam
Ngày sinh	08/02/1983
Nơi sinh	Hòa Thành – Tây Ninh
Địa chỉ thường trú	Ấp Tân Trường, Xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản Trị Kinh Doanh
Chức vụ hiện tại	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Gỗ MDF VRG Quảng trị.
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Trưởng phòng KH-KD của Cty cổ phần Cao Su Tân Biên
Số lượng cổ phần nắm giữ	3.367.155 cổ phần (6,11%) Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (0%)</li> <li>Đại diện phần vốn Nhà nước: 3.367.155 cổ phần (6,11%)</li> </ul>
Số lượng cổ phiếu nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

**a4) Thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Ông Nguyễn Chơn Biên
Giới tính	Nam
Ngày sinh	30/10/1981
Nơi sinh	Triệu Trung, Triệu Phong, Quảng Trị
Địa chỉ thường trú	Khu phố Tân Vĩnh, Phường Đông lương, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện tại	Ủy viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Thành viên HĐQT - Công ty TNHH MTV cao su Quảng Trị.
Số lượng cổ phần nắm giữ	3.555.500 cổ phần (6,45%) Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (0%)</li> <li>• Đại diện phần vốn Nhà nước: 3.555.500 cổ phần (6,45%)</li> </ul>
Số lượng cổ phiếu nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

**b) Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị:**

Hội đồng quản trị tổ chức họp mỗi quý 1 lần để quyết định một số nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Ngoài ra, hàng năm Hội đồng quản trị triệu tập đại hội đồng cổ đông thường niên để thông qua một số nội dung quan trọng thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

**2. Ban kiểm soát**

**a) Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:**

**a1 Trưởng ban kiểm soát**

Họ và tên	Ông Lê Chiến Sỹ
Giới tính	Nam
Ngày sinh	06/02/1976
Nơi sinh	Triệu Độ - Triệu phong - Quảng Trị
Địa chỉ thường trú	Khu phố 3 - Phường 5 – Đông Hà - Quảng Trị
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện tại	Trưởng Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	- 3/2001-3/2007 Nhân viên kế toán Cty XD 78. - 4/2007-9/2008 Phó phòng kế toán Cty XD 78. - 10/2008-6/2009 Trợ Lý TGD Cty cổ phần Gỗ MDF VRG Quảng Trị. - 6/2009-6/2010 Nhân viên Kế toán công ty cổ phần phân Vi sinh Quảng Trị. - 7/2010-3/2011 P Phòng kế toán Cty cổ phần Vi sinh Quảng Trị. - 4/2011-9/2014 Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính cty CP Vi sinh Quảng Trị.



	- 9/2014-3/2015 Trợ lý TGD kiêm kế toán Tổng hợp hợp dự án MDF dây chuyền 2 Cty MDF VRG Quảng Trị. - 3/2015 đến nay Trưởng Ban kiểm soát Cty cổ phần Gỗ MDF VRG Quảng Trị.
Số lượng cổ phần nắm giữ	Không
Số lượng cổ phiếu nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

**a2 Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên	Nguyễn Hồng Minh
Giới tính	Nam
Ngày sinh	23/11/1972
Nơi sinh	Nghệ An
Số chứng minh nhân dân	040072000129
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã Ngọc Sơn, Huyện : Hiệp Hòa, Tỉnh : Bắc Giang.
Địa chỉ thường trú	525/2/3 Tân Sơn – Phường 12 – Quận Gò Vấp – TP. HCM
Số điện thoại liên lạc	0918643611
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Kinh tế
Chức vụ hiện tại	Kiểm soát viên
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Phó Ban Tài chính - Kế Toán - Tập đoàn Công nghiệp Cao Su Việt Nam
Quá trình công tác	- Tháng 08 năm 2004, Cơ quan tuyển dụng : Xí nghiệp Chế Biến Gỗ Đông Hòa trực thuộc Công ty Cổ phần Công nghiệp và XNK Cao su. - Từ tháng 1/2020 đến nay: Nhân viên Kế toán – Ban Tài chính - Kế Toán - Tập đoàn Công nghiệp Cao Su Việt Nam - Từ 2020 đến nay phó Ban Tài chính - Kế Toán - Tập đoàn Công nghiệp Cao Su Việt Nam.
Bằng cấp	Thạc sỹ kinh tế
Hành vi vi phạm pháp luật	Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch	Không

**a3 Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên	Ông Nguyễn Hữu Trung
Giới tính	Nam
Ngày sinh	25/08/1989
Nơi sinh	Gio Sơn – Gio Linh – Quảng Trị
Địa chỉ thường trú	KP Tây Trì, phường I, TP Đông Hà, Quảng Trị
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện tại	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Kiểm soát viên – chuyên trách Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị
Số lượng cổ phần nắm giữ	Không
Số lượng cổ phiếu nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

**b) Hoạt động của Ban kiểm soát**

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên, thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát họp để xem xét và đánh giá kết quả hoạt động thường kỳ của Công ty theo quy định.

Ban kiểm soát hàng tháng, quý, 6 tháng, năm kiểm ra các hoạt động của công ty và báo cáo trong các kỳ họp Hội đồng Quản trị.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, ban Tổng Giám đốc và ban kiểm soát.**

**3.1 Quyền lợi của Ban giám đốc:**

Tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác thực hiện theo quy chế trả lương của Công ty.

**3.2 Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc:**

I	Nội dung	Chức danh	Năm 2024 VNĐ	Năm 2023 VNĐ
<b>I</b>	<b>Phụ cấp thù lao của Hội đồng Quản trị</b>		<b>223.000.000</b>	<b>168.000.000</b>
1	Hồ Trọng Minh Thảo	Chủ tịch HDDQT (kể từ ngày 17/4/2024)	112.000.000	
2	Đỗ Hữu Phước	Chủ tịch HDDQT (miễn nhiệm ngày 17/4/2025)	9.000.000	36.000.000
3	Cao Thanh Nam	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30/11/2023)		24.000.000
4	Huỳnh Duy Hiến	Thành Viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
5	Phan Văn Hồi Em	Thành viên (miễn nhiệm 8/11/2024)	30.000.000	36.000.000
6	Nguyễn Chơn Biên	Thành Viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
<b>II</b>	<b>Lương, phụ cấp Ban kiểm soát</b>		<b>249.600.000</b>	<b>255.998.630</b>
1	Lê Chiến Sỹ	Trưởng ban Kiểm soát	201.600.000	207.998.630
2	Nguyễn Hồng Minh	Thành viên BKS	24.000.000	24.000.000
3	Nguyễn Hữu Trung	Thành viên BKS	24.000.000	24.000.000
<b>III</b>	<b>Lương, thu nhập khác của CT HĐQT và Ban giám đốc</b>		<b>1.114.031.000</b>	<b>668.552.810</b>
1	Hồ Trọng Minh Thảo	Chủ tịch HDDQT (kể từ ngày 17/4/2024)	112.000.000	
2	Dương Tấn Thanh	Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 26/3/2024)	190.400.000	
3	Hồ Nghĩa An	Phó tổng giám đốc	220.800.000	230.277.090
4	Nguyễn Văn Công	Phó tổng giám đốc	220.800.000	230.277.090
5	Nguyễn Tăng Vũ	Phó tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 26/3/2024)	168.431.000	
6	Nguyễn Mạnh Cường	Kế toán trưởng	201.600.000	207.998.630

Đối với các thành viên HĐQT đại diện vốn Nhà nước, tiền thù lao được chuyển về tổ chức nơi các thành viên đang làm việc.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán của công ty bao gồm: Bảng cân đối kế toán cũng như Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán. Đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK.

### 2. Ý kiến kiểm toán

- Đơn vị Kiểm toán độc lập: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIỆT NAM
- Địa chỉ: Số 235, Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại: +84 (24) 3 783 2121 +84 (24) 3 783 2122

- **Ý kiến kiểm toán độc lập:** Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

#### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Như trình bày tại thuyết minh số 5.7 và 5.18 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, đến thời điểm phát hành báo cáo này, khoản chênh lệch thiếu, thừa hàng tồn kho theo kết quả kiểm kê tại các thời điểm 15/8/2023 và 31/12/2023 với số tiền lần lượt là 16.634.930.694 đồng và 6.354.171.074 đồng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt và xử lý do đó chúng tôi không thể ước tính được ảnh hưởng của vấn đề trên đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo của Công ty.

#### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 7.2 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Công văn số 1282/CSVN-LĐTL ngày 25/4/2024 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc thỏa thuận quỹ tiền lương thực hiện năm 2023 và Bản quyết toán quỹ tiền lương năm 2023 của Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị và Công văn số 97/CV-HĐQT.MDFQT ngày 09/12/2024 về việc thống nhất chủ trương xử lý hoá chất màu hồng và màu đỏ mất phẩm chất được xuất kho ghi tăng giá vốn.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

#### **Nơi nhận:**

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Trung tâm LK&CK VN;
- Lưu VT,TC-KT

TM Hội Đồng Quản Trị Công ty  
Chủ tịch   
  
  
**Hồ Trọng Minh Thảo**



## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

